

Bản án số: 25/2021/HS-ST

Ngày: 22-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thoại

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mùa

Ông Nguyễn Gia Vinh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Tuấn Anh - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2021/TLST- HS ngày 15 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Hà Ngọc T, sinh năm 1986, tại: Thanh Hóa; HKTT: Thôn 1, xã PV, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: (không); quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Ngọc Ng (đã chết) và bà Hà Thị T1; có vợ và một người con; tiền án: Ngày 15/10/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 30.000.000 đồng về tội đánh bạc, đến ngày 11/3/2021 mới chấp hành xong bản án; tiền sự: (không); nhân thân: ngày 18/7/2015, bị Công an phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; bị bắt tạm giữ, tạm giam 06/02/2021; cho bảo lãnh ngày 02/4/2021; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Hà Văn H, sinh năm 1983, tại: Thừa Thiên Huế; HKTT: Thôn 1, xã PV, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: (không); quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn N và bà Phan Thị Ng1; có vợ và ba người con; tiền án, tiền sự: (không); bị bắt tạm giữ 06/02/2021; cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 09/02/2021; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Th (Trần Văn Th), sinh năm 1965, tại: Thừa Thiên Huế; HKTT: Thôn L2, xã PT, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: Thôn ST, xã ĐH, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 2/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần V (đã chết) và bà Nguyễn

Thị Ch (đã chết); có vợ và hai người con; tiền án, tiền sự: (không); bị bắt tạm giữ 06/02/2021; cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 09/02/2021; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Trương Thị L, sinh năm 1983, tại: Bình Phước; HKTT: Khu phố 3, phường TM, thị xã PL, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay: Thôn ST, xã ĐH, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: (không); quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương H2 và bà Nguyễn Thị Đ; có chồng và hai người con; tiền án, tiền sự: (không); bị bắt tạm giữ 06/02/2021; cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 09/02/2021; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Trần Thị O, sinh năm 1981, tại: Bến Tre; HKTT: Thôn C, xã PV, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: (không); quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Ng3 và bà Nguyễn Thị B; có chồng và ba người con; tiền án, tiền sự: (không); bị bắt tạm giữ 06/02/2021; cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 09/02/2021; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Trần Văn H, sinh năm 1989, tại: Cần Thơ; HKTT: Thôn 1, xã PV, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Nh và bà Nguyễn Thị Th2; có vợ, chưa có người con; tiền án, tiền sự: (không); bị bắt tạm giữ 06/02/2021; cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 09/02/2021; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Trọng T2, sinh năm 1985, tại: Tuyên Quang; HKTT: Thôn 1, xã PV, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng Ph1 và bà Trịnh Thị L2; có vợ và hai người con; tiền án, tiền sự: (không); cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 17/3/2021; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Lê Thị Th3, sinh năm 1978, tại: Thanh Hóa; HKTT: Thôn 8, xã H1, huyện H2, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Thôn 1, xã PV, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: (không); quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Bá Th4 (đã chết) và bà Lê Thị Ch2; có chồng và hai người con; tiền án, tiền sự: (không); cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 06/02/2021; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Lê Thị Ph, sinh năm 1967, tại: Bến Tre; HKTT: Thôn ST, xã ĐH, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: (không); quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T4 và bà Huỳnh Thị M (đã chết); có chồng và hai người con; tiền án, tiền sự: (không); bị bắt tạm giữ 06/02/2021; cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 09/02/2021; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 06/02/2021, Hà Ngọc T gặp và rủ Hà Văn H mỗi người góp 1.170.000 đồng để làm cái cho những người sinh sống tại dãy phòng trọ đánh bạc. Sau đó, T lấy bộ bài tây (tứ lơ khơ) rồi cùng H, Trần Văn H3, Trương Thị L, Trần Thị O, Trần Th, Lê Thị Th3, Lê Thị Ph, Nguyễn Trọng T2 đánh bạc thắng thua bằng tiền. Phương đánh một ván thua 50.000 đồng thì nghỉ về trước.

Hình thức đánh bạc là đánh cào cái, cụ thể: Người chơi đặt tiền từ 20.000 đồng đến 400.000 đồng, sau đó người làm cái sử dụng bộ bài tây 52 lá chia đều cho người chơi 3 lá bài. Tính điểm theo quy ước: Sấp lớn hơn liêng, liêng lớn hơn ba cào, ba cào lớn hơn 9 điểm. Sấp là 3 lá bài giống nhau theo thứ tự lớn dần, liêng là 3 lá bài tạo thành một sảnh theo thứ tự lớn dần, ba cào là 01 lá bài tây bất kỳ và 02 lá bài tây giống nhau. Nếu không có sấp, liêng và ba cào thì tính điểm của 03 lá bài (Ví dụ: có 03 lá bài 9, 10, Q được tính là 9 điểm; 10, Q, J được tính là 0 điểm). Sau đó so bài với người cầm cái, bài ai lớn thì thắng và ngược lại.

Đến 18 giờ cùng ngày thì bị Công an huyện Bù Gia Mập phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T, H, H3, L, O, Th, Th3.

Vật chứng trong vụ án: Thu tại chiếu bạc: 520.000 đồng; 52 lá bài tây; 01 chiếc chiếu kích thước 1,85m x 1,55m.

Thu giữ số tiền trên người: Hà Ngọc T 1.170.000 đồng, Hà Văn H 60.000 đồng, Trần Th 5.550.000 đồng, Trần Văn H3 230.000 đồng, Trương Thị L 1.780.000 đồng. Sau đó, Hà Văn H nộp tiếp 1.110.000 đồng, Nguyễn Trọng T2 giao nộp 1.570.000 đồng.

Số tiền các bị cáo khai dùng vào việc đánh bạc là, cụ thể: Hà Ngọc T 1.170.000 đồng, Hà văn H 1.170.000 đồng, Trần Thị O 400.000 đồng, Lê Thị Th3 100.000 đồng, Trần Th 2.300.000 đồng, Trần Văn H3 330.000 đồng; Lê Thị Ph 50.000 đồng, Trương Thị L 800.000 đồng, Nguyễn Trọng T2 200.000 đồng.

Tổng số tiền dùng vào đánh bạc là 6.990.000 đồng.

Ngày 09/02/2021 và ngày 17/3/2021 Hà Ngọc T, Hà Văn H, Lê Thị Ph, Trần Thị O, Trần Văn H3, Trần Th, Lê Thị L, Lê Thị Th3, Nguyễn Trọng T2 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bù Gia Mập khởi tố bị can để điều tra.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 14/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố các bị cáo Hà Ngọc T, Hà Văn H, Lê Thị Ph, Trần Thị O, Trần Văn H3, Trần Th, Lê Thị L, Lê Thị Th3, Nguyễn Trọng T2 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị:

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hà Ngọc T từ 15 đến 18 tháng tù; xử phạt các bị cáo Hà Văn H, Trần Th, Trương Thị L mỗi bị cáo 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng; xử phạt các bị cáo Trần Thị O, Trần Văn H3, Nguyễn Trọng T2, Lê Thị Th3, Lê Thị Ph mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Về vật chứng: Tịch thu nộp vào ngân sách nhà Nhà nước số tiền 6.990.000 đồng là tiền dùng vào việc đánh bạc; đề nghị tịch thu tiêu hủy 52 lá bài và 01 chiếc chiếu. Trả lại bị cáo Trần Th 4.000.000 đồng, Trương Thị L 1.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng có ý kiến như sau:

- Các bị cáo Hà Ngọc T, Hà Văn H, Lê Thị Ph, Trần Thị O, Trần Văn H3, Trần Th, Lê Thị L, Lê Thị Th3, Nguyễn Trọng T2 đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bù Gia Mập, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về áp dụng Bộ luật Hình sự để xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14. Các hành vi phạm tội thực hiện từ ngày 01/01/2018 trở đi thì áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáo cơ bản phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ về thời gian, địa điểm phạm tội và vật chứng vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 06/02/2021, các bị cáo Hà Ngọc T, Hà Văn H, Lê Thị Ph, Trần Thị O, Trần Văn H3, Trần Th, Lê Thị L, Lê Thị Th3, Nguyễn Trọng T2 đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 6.990.000 đồng.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ cá nhân, mục đích đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Viện kiểm sát truy tố và luận tội các bị cáo theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo cùng nhau đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền; các bị cáo Hà Văn H, Lê Thị Ph, Trần Thị O, Trần Văn H3, Trần Th, Lê Thị L, Lê Thị Th3, Nguyễn Trọng T2 chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo Hà Ngọc T có 01 tiền án về tội đánh bạc và nhân thân bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Toán và hình phạt tiền là hình phạt

chính đối với các bị cáo còn lại tương xứng với hành vi của từng bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng trật tự công cộng và phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Hà Văn H, Lê Thị Ph, Trần Thị O, Trần Văn H3, Trần Th, Lê Thị L, Lê Thị Th3, Nguyễn Trọng T2 có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; các bị cáo T2 và Ph “Đầu thú”; bị cáo Hà Ngọc T “Thành khẩn khai báo” và có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm”; đây là những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự được xem xét khi lượng hình quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức án đối với các bị cáo cơ bản phù hợp và đề nghị xử lý vật chứng là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về vật chứng:

Số tiền 6.990.000 đồng là tiền dùng vào việc đánh bạc, nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; 52 lá bài tây, 01 chiếc chiếu là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc xét giá trị không lớn, nên tịch thu tiêu hủy; số tiền 4.000.000 đồng của Trần Th và 1.000.000 đồng của Trương Thị L không liên quan đến tội phạm trong vụ án nên trả lại cho các bị cáo Th và L.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Hà Ngọc T, Hà Văn H, Lê Thị Ph, Trần Thị O, Trần Văn H3, Trần Th, Lê Thị L, Lê Thị Th3, Nguyễn Trọng T2 phạm tội “Đánh bạc”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hà Ngọc T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/02/2021 đến ngày 02/4/2021.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 35; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hà Văn H 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), sung vào ngân sách Nhà nước.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 35; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Th 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), sung vào ngân sách Nhà nước.

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 35; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Thị L 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), sung vào ngân sách Nhà nước.

1.5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 35; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thị O 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), sung vào ngân sách Nhà nước.

1.6. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 35; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn H3 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), sung vào ngân sách Nhà nước.

1.7. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 35; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T2 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), sung vào ngân sách Nhà nước.

1.8. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 35; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Th3 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), sung vào ngân sách Nhà nước.

1.9. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 35; Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị Ph 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền Số tiền 6.990.000 đồng (Sáu triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng)

- Tịch thu tiêu hủy: 52 lá bài tây; 01 chiếc chiếu kích thước 1,85m x 1,55m.

- Trả lại cho bị cáo Trần Th 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); trả lại bị cáo Trương Thị L 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Hà Ngọc T, Hà Văn H, Lê Thị Ph, Trần Thị O, Trần Văn H3, Trần Th, Lê Thị L, Lê Thị Th3, Nguyễn Trọng T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (22/6/2021).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- CA huyện Bù Gia Mập (03 bản);
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Thoại

